

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 12-03-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Linh; Ông Bùi Văn Ôn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 12/03/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn H; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 07/03/1973 tại: tỉnh Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12;Bố đẻ: Bùi Văn Nhẫn, sinh năm: 1937 (Đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị Mẹo, sinh năm: 1939 (Đã chết); Vợ: Bùi Thị Sáu, sinh năm: 1979; Con thứ nhất: Bùi Thị Hương Quỳnh, sinh năm 2000; Con thứ hai: Bùi Mạnh Tuấn, sinh năm 2004; Con thứ ba: Bùi Mạnh Thắng, sinh năm 2006. Cùng trú tại: xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình; Bị can là con thứ 3 trong gia đình có 04 anh em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình từ ngày 14/11/2020, được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **Bùi Văn H:** ông Bùi Văn Mạnh -Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý số 4 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người chứng kiến:

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985; Trú tại xóm: Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1971; Trú tại: xóm: Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 13/11/2020 Bùi Văn H đi bộ một mình từ nhà đến khu vực thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn với mục đích tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, H gặp một người đàn ông không quen biết, qua trao đổi H mua được từ người đàn ông này 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng. Sau đó H mang ma túy về nhà lấy một phần sử dụng, số ma túy còn lại H chia nhỏ gói thành 15 gói giấy và 01 gói nilon cất giấu trong nhà bếp. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/11/2020 Công an huyện Lạc Sơn phối hợp với Công an thị trấn Vụ Bản đến nơi ở tiến hành triệu tập Bùi Văn H (do H là đối tượng nghiện chất ma túy chịu sự giám sát của địa phương) thì phát hiện và thu giữ trong phòng bếp nhà của Bùi Văn H 15 gói giấy và 01 gói nilon có chứa chất ma túy được H tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Trước hành vi trên của Bùi Văn H, tổ công tác Công an huyện Lạc Sơn đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng thu giữ được theo đúng quy định của pháp luật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn H tại xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 14/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình giám định 15 gói giấy và 01 gói nilon chứa chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong trong 02 phong bì ghi tên Bùi Văn H.

Tại bản Kết luận giám định số 339/KLGD-CAT-PC09 ngày 14/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình đã kết luận: *“Chất bột màu trắng trong 16 gói trong phong bì niêm phong ghi “Vật chứng thu giữ của Bùi Văn H trong quá trình bắt quả tang ngày 14/11/2020” gửi giám định có tổng khối lượng 3,04 gam, là ma túy, loại Heroine”.*

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình Bùi Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với vật chứng thu giữ được.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Bùi Văn H, do H không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý vật chứng, đồ vật tài liệu:

+ 16 mẫu ma túy, loại heroine hoàn lại sau giám định được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn chờ xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của người chứng kiến.

Theo Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án gồm: 16 mẫu ma túy, loại heroine hoàn lại sau giám định được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn cùng toàn bộ vỏ bao gói đã được niêm phong theo quy định đề nghị tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo trong vụ án do không rõ tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng nên chưa có căn cứ để xác minh và kết luận đề nghị khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H:

Thứ nhất, Trong suốt quá trình tố tụng, từ giai đoạn điều tra, truy tố cho đến khi xét xử bị cáo Bùi Văn H luôn có thái độ thành khẩn khai báo, khai rõ hành vi phạm tội, qua đó đã tỏ rõ sự ăn năn hối hận của mình, do bản thân nghiện ma túy, không làm chủ được bản thân dẫn đến phạm tội. Thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo Bùi Văn H đã giúp cho việc giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng được nhanh chóng. Do vậy đề nghị HĐXX cho bị cáo Bùi Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ " *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* " quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Thứ hai, xét về nhân thân và hoàn cảnh gia đình. Trước khi phạm tội bị cáo Bùi Văn H không có tiền án, tiền sự, có lý lịch rõ ràng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư

trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có bố là người có công với cách mạng nên nghị HĐXX xem xét áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 tháng tù.

Bị cáo không bổ sung lời bào chữa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn H tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của những người chứng kiến, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận: ngày 14/11/2020 tại khu vực xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình Bùi Văn H đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy với tổng khối lượng là 3,04 gam (*Ba phẩy không bốn gam*) chất ma túy, loại Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn H là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức đầy đủ về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện- lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có bố đẻ là người có công với cách mạng. Những tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] *Về hình phạt chính:* Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Ma túy là chất gây nghiện không những làm huỷ hoại sức khỏe con người mà còn làm sứt mẻ đạo đức xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho những kẻ mua bán ma túy và ma túy cũng là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vật chứng của vụ án gồm: 16 mẫu ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy theo qui định tại Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, do không rõ tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng, tại phiên tòa bị cáo không khai báo gì thêm nên chưa có căn cứ để xác minh, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo được HĐXX cân nhắc trong quá trình lượng hình

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 (Ba mươi tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ- ngày 14/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 16 (mười sáu) mẫu ma túy, loại heroine còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói đã được niêm phong trong phong bì ghi tên đối tượng: Bùi Văn H theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lạc Sơn.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Yên Phú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Thiệu Nguyễn Đức Kim

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- **Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: .../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền sự.....;
nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề
nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾.....

.....
- *Bị hại:*⁽¹⁷⁾.....

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾.....

.....
- *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾.....

.....
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾.....

.....
- *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾.....

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾.....

.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾.....

.....
- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ
án:*⁽²⁴⁾.....

.....
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):*⁽²⁵⁾.....

.....
- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án
được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....
.....
(30).....
.....
(31).....
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì

ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Thiệu Nguyễn Đức Kim

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- **Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**⁽⁷⁾**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: .../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: .../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con

ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền sự.....;

nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề

ng nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- **Người bào chữa cho bị cáo:**⁽¹⁶⁾

.....

- **Bị hại:**⁽¹⁷⁾

.....

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:**⁽¹⁸⁾

.....

- **Nguyên đơn dân sự:**⁽¹⁹⁾

.....

- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:**⁽²⁰⁾

.....

- **Bị đơn dân sự:**⁽²¹⁾

.....

- **Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:**⁽²²⁾

.....

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**⁽²³⁾

.....

- **Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ**

án:⁽²⁴⁾

.....

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân**

sự,.....):⁽²⁵⁾

.....

- **Người tham gia tố tụng khác:**⁽²⁶⁾

.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾
.....
(30)
.....
(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì

ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

